

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST.  
Ngày: 30/9/2024  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Thùy Dương

2. Ông Lê Đức Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2024 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1970

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khoa C1 - Sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: số B, ấp T, xã B, huyện C, Đồng Nai.

*(các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2024, bản tự khai và các lời khai bổ sung tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Khoa C1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 1987, đến vào năm 1989 đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc đến năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C1 có quan hệ ngoại tình, ông C1 đã đánh đập, bạo hành bà nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C1.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988 và Nguyễn Khoa T, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1991 và diện tích đất 2.471,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 23 xã B nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, bà C không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**\* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 5 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn Khoa C1 trình bày:**

Ông thống nhất với bà C về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, bà C thường tụ tập bạn bè ăn chơi, khoảng 05 năm nay bà C bỏ nhà ra ngoài sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung: đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Ngoài các tài sản bà C khai vợ chồng còn cho thuê 01 trạm phát ông BTS của Tập đoàn V thuê với giá là 22.000.000 đồng. Ngoài ra bà C còn giữ của ông 400.000.000 đồng tiền anh trai ông cho riêng ông.

**\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà C được ly hôn với ông C1;
- Về con chung: đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;
- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Khoa C1 yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”. Hiện ông Nguyễn Khoa C1 cư trú tại xã B, huyện C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Khoa C1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng ông C1 vắng mặt.

Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Khoa C1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết vào năm 1989 tại UBND phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của các đương sự nhận thấy: cả bà C và ông C1 đều thừa nhận vợ chồng chung sống mâu thuẫn và đã sống ly thân đến nay khoảng 05 năm. Ông C1 bà C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn. Do thời gian ông C1 bà C sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thống nhất ly hôn nên cho bà C ly hôn ông C1.

- Về con chung: đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà C có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng đã rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nên Toà án đã đình chỉ giải quyết phần tài sản chung. Ông C1 trình bày có tài sản nhưng không nộp đơn khởi kiện cho Toà án do đó không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà C và ông C1 tự nguyện ly hôn nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp thành án phí. Hoàn trả cho bà C 225.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn dư.

[4] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và các Điều 56, 58, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-TANDTC ngày 16/5/2024 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Khoa C1.

2. Về con chung: đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

3. Tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị C phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà C đã nộp tại biên lai số 0012160 ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Hoàn trả cho bà C 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí còn dư.

- Ông Nguyễn Khoa C1 phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí LHST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND phường 15;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai Trung**